

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2022

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Dung.

2. Bà Nguyễn Thị Thêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ L - sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: đường Q, phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: khu đô thị 2 T2, phường T2, thành phố T1, tỉnh Thái Bình.

Căn cước công dân số ZZZZZZZZZZZZ do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và Trật tự xã hội cấp ngày 11/01/2021.

Bị đơn: Anh Đào Duy K - sinh năm 1993

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: đường Q, phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Hàn Quốc. Số hộ chiếu: CZZZZZZZ.

Căn cước công dân số ZZZZZZZZZZZZ do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và Trật tự xã hội cấp ngày 30/9/2016.

(Chị L, anh K vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 30/03/2022 và Bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng thì chị Lê Thị Mỹ L yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung với anh Đào Duy K và trình bày cụ thể như sau:

Chị L và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình vào ngày 15/06/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng gia đình bố mẹ đẻ anh K tại phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình. Tháng 6 năm 2018, anh Đào Duy K đi du học tại Hàn Quốc. Thời gian đầu, hai vợ chồng vẫn duy trì liên lạc nhưng đến khoảng cuối năm 2019 thì hai vợ chồng ít liên lạc với nhau do anh K đã bỏ học, trốn ra ngoài, cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc. Từ khoảng tháng 8 năm 2021, chị L, anh K đã chấm dứt hoàn toàn liên lạc với nhau. Nguyên nhân do chị L và anh K bất đồng về tính cách và lối sống nên giữa hai vợ chồng thường xảy ra bất hòa. Từ sau khi chấm dứt liên lạc, anh K cũng không còn quan tâm đến cuộc sống của chị L và con chung. Đến nay chị L xác định chị và anh K không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và mỗi người đều muốn tạo lập cuộc sống riêng của mình nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị L và anh K có 01 con chung là Đào Đức H, sinh ngày 31/10/2018, hiện do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con H, yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh K không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

***/ Quan điểm của bị đơn - anh Đào Duy K đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Anh K xác nhận việc kết hôn giữa anh K và chị L như chị L đã trình bày. Sau khi kết hôn, anh K và chị L chung sống với bố mẹ đẻ anh K tại phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình. Tháng 6 năm 2018, anh K đã xuất cảnh đi Hàn Quốc theo diện du học, sau đó anh nghỉ học để đi làm tại Hàn Quốc. Do công việc bấp bênh, cuộc sống của anh gặp nhiều khó khăn. Đến năm 2019, giữa anh K và chị L bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do hai vợ chồng không hiểu và thông cảm cho cuộc sống của nhau, cộng thêm sự bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên hai vợ chồng ít liên lạc, dần dần dẫn đến không còn tình cảm với nhau. Từ giữa năm 2021 đến nay, anh K, chị L hầu như không liên lạc với nhau, không ai có trách nhiệm với ai trong cuộc sống nữa. Anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai có mong muốn đoàn tụ, anh K nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: Anh K xác nhận anh và chị L có 01 con chung như chị L trình bày. Anh đồng ý để chị L trực tiếp nuôi dưỡng con H, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của chị L.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh K trình bày anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Do anh K đang ở nước ngoài, không về Việt Nam tham gia quá trình giải quyết vụ án được nên anh K đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa anh và chị L, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Kết quả giải quyết, anh K đề nghị Tòa án gửi cho anh qua địa chỉ của mẹ đẻ anh là: Bà Trần Thị S, sinh năm 1959, địa chỉ tại: đường Q, phường T, thành phố T1, tỉnh Thái Bình.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và quá trình xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn anh Đào Duy K. Về quan hệ con chung: Đề nghị xử giao con chung là Đào Đức H, sinh ngày 31/10/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh K cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án chị Lê Thị Mỹ L xin ly hôn anh Đào Duy K theo thủ tục chung, chị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp bản tự khai, các chứng cứ chứng minh và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ; chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn - anh Đào Duy K đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án, anh K cũng đã gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L cho Tòa án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Mỹ L và anh Đào Duy K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/06/2017, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tháng 6 năm 2018, anh Đào Duy K đi du học tại Hàn Quốc. Thời gian đầu khi anh K ở Hàn Quốc, vợ chồng anh chị vẫn duy trì liên lạc nhưng đến khoảng cuối năm 2019 thì ít liên lạc với nhau do anh K đã bỏ học, cư trú bất hợp pháp tại Hàn Quốc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và ngày càng căng thẳng do anh chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mỗi người mong muốn sống theo quan điểm cá nhân của mình. Từ khoảng giữa năm 2021, chị L, anh K đã chấm dứt hoàn toàn liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều đó chứng tỏ anh chị đã không còn tình cảm với nhau và không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau trong cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn của chị L và anh K đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L ly hôn anh K là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L và anh K có 01 con chung là Đào Đức H, sinh ngày 31/10/2018, hiện do chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L và anh K thống nhất giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng. Xét thấy thỏa thuận nuôi con chung của anh chị khi ly hôn phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo việc ổn định cuộc sống và quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 238; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn anh Đào Duy K.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao con Đào Đức H, sinh ngày 31/10/2018 cho chị Lê Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đào Duy K cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L 5.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10/2022 cho đến khi con H tròn 18 tuổi.

Anh K có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Chị L, anh K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí:

+ Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005344 ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

+ Anh Đào Duy K phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Mỹ L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Anh Đào Duy K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình